| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH THÁI BÌNH | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2934/QĐ-UBND | *Thái Bình, ngày 08 tháng 12 năm 2014* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình: Nhóm 1, nhóm 2, công trình phụ trợ cho các xã thuộc các huyện: Tiền Hải, Thái Thụy, Vũ Thư và Đông Hưng.**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 09/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2011-2015; số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 19/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013; số 1411/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 về việc bổ sung một số nội dung về chủ trương hỗ trợ xi măng xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, năm 2014;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tại Tờ trình số 109/TTr-VPĐP ngày 03/12/2014,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình: Nhóm 1, nhóm 2, công trình phụ trợ cho các xã thuộc các huyện: Tiền Hải, Thái Thụy, Vũ Thư, Đông Hưng, với tổng khối lượng bổ sung: 1.249,2 tấn (07 xã), cụ thể:

- Huyện Tiền Hải: 749,8 tấn (02 xã);
- Huyện Thái Thụy: 205,9 tấn (02 xã);
- Huyện Vũ Thư: 6,9 tấn (01 xã);
- Huyện Đông Hưng: 286,6 tấn (02 xã);

(Có Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, các cấp, các sở, ngành, đơn vị có trách nhiệm:

- Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ cho các xã thuộc các huyện: Tiền Hải, Thái Thụy, Vũ Thư, Đông Hưng được phê duyệt trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ theo đơn vị xã; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo kế hoạch được duyệt;

- Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện: Tiền Hải, Thái Thụy, Vũ Thư, Đông Hưng và doanh nghiệp cung ứng xi măng tổ chức giao, nhận xi măng cho các xã theo kế hoạch được duyệt;

- Ủy ban nhân dân các huyện: Tiền Hải, Thái Thụy, Vũ Thư, Đông Hưng và Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1: Thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thực hiện thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ đảm bảo quy định; quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành chuyên môn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chánh Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình; Các Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện: Tiền Hải, Thái Thụy, Vũ Thư, Đông Hưng; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1; Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và PTNT);
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Báo Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NNTNMT, KHTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Ca**

**Phụ lục 1**

**KHỐI LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH: NHÓM 1, NHÓM 2, CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ CHO CÁC XÃ THUỘC CÁC HUYỆN: TIỀN HẢI, THÁI THỤY, VŨ THƯ VÀ ĐÔNG HƯNG**

*(Kèm theo Quyết định số 1934 /QĐ-UBND ngày 08/12/2014 của UBND tỉnh).*

| STT | HUYỆN/XÃ | KHỐI LƯỢNG XI MĂNG (tấn) | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng (07 xã)** | **1.249,2** | |
| **I** | **Tiền Hải (02 xã)** | **749,8** | |
| 1 | Tây Lương | 639,0 | |
| 2 | Nam Hải | 110,8 | |
| **II** | **Thái Thụy (02 xã)** | **205,9** | |
| 1 | Thái Hòa | 173,2 | |
| 2 | Thái Học | 32,7 | |
| **III** | **Vũ Thư (01 xã)** | **6,9** | |
| 1 | Minh Khai | 6,9 | |
| **IV** | **Đông Hưng (02 xã)** | **286,6** | |
| 1 | Hợp Tiến | 130,8 | |
| 2 | Đông Động | 155,8 | |

**Phụ lục 2:**

**DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN TIỀN HẢI**

*(Kèm theo Quyết định số 2934 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh).*

| STT | Danh mục công trình | Quy mô đầu tư (m,m2) | Tiêu chuẩn kỹ thuật | Khối lượng xi măng (tấn) |
|---|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng (02 xã)** | | | **749,8** |
| 1 | **Xã Tây Lương** | | | **639,0** |
| * | **Đường giao thông trục xã** | | | **639,0** |
| | Từ quỹ tín dụng đến cầu sang xã Vũ Lăng | 2250 | ***Bm 3,5m; BT M300; dày 18cm*** | 639,0 |
| 2 | **Xã Nam Hải** | | | **110,8** |
| * | **Đường giao thông trục xã** | | ***Bm 3,5m; BT M300; dày 18cm*** | 110,8 |
| | Đường từ UBND xã đến nhà ông Chức | 390 | | 110,8 |

**Phụ lục 3:**

**DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN THÁI THỤY**

*(Kèm theo Quyết định số 2934 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh).*

| STT | Danh mục công trình | Khối lượng xi măng đề nghị hỗ trợ (tấn) |
|---|---|---|
| | **Tổng cộng (02 xã)** | **205,9** |
| 1 | **Xã Thái Hòa** | **173,2** |
| * | **Công trình phụ trợ** | **173,2** |
| | Phụ trợ trường Mầm non | 163,9 |
| | Sân, tường bao trường Trung học cơ sở | 9,3 |
| 2 | **Xã Thái Học** | **32,7** |
| * | **Công trình phụ trợ** | **32,7** |
| | Sân trường Trung học cơ sở | 32,7 |

**Phụ lục 4:**

**DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN VŨ THƯ**

*(Kèm theo Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh).*

| STT | Danh mục công trình | Khối lượng xi măng đề nghị hỗ trợ (tấn) |
|---|---|---|
| | **Tổng cộng (01 xã)** | **6,9** |
| 1 | **Xã Minh Khai** | **6,9** |
| * | **Công trình phụ trợ** | **6,9** |
| | Phụ trợ trường Mầm non thôn Hội | 6,9 |

**Phụ lục 5:**

**DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN ĐÔNG HƯNG**

*(Kèm theo Quyết định số 2934 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh).*

| STT | Danh mục công trình | Quy mô đầu tư (m,m2) | Tiêu chuẩn kỹ thuật | Khối lượng xi măng (tấn) |
|---|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng (02 xã)** | | | **286,6** |
| 1 | **Xã Hợp Tiến** | | | **130,8** |
| * | **Đường giao thông trục thôn** | | | **93,9** |
| | ***Bm 3,5m*** | ***333,0*** | ***Bm 3,5m; BT M200; dày 16cm*** | ***65,3*** |
| | Từ nghĩa địa lên Con Trắm | 85 | | 16,7 |
| | Từ trạm bơm- Chương Dương | 248 | | 48,6 |
| | ***Bm 3,0m*** | ***170*** | ***Bm 3,0m; BT M200; dày 16cm*** | ***28,6*** |
| | Từ đường Cái Chết đi nghĩa địa | 170 | | 28,6 |
| * | **Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn** | | | **36,9** |
| | Từ ông Trâm-đường Liên xã | 300 | ***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm*** | 36,9 |
| 2 | **Xã Đông Động** | | | **155,8** |
| * | **Đường giao thông nội đồng** | **695** | | **134,8** |
| | Đường giao thông nội đồng thôn Xuân Đài | 695 | | 134,8 |
| * | **Kênh cấp 1 loại 3** | **160** | | **21,0** |
| | Kênh trạm bơm Lam Điền-Mả Tớt | 160 | ***B< 0,9m*** | 21,0 |

*Văn bản được ký số bởi:*
*Văn phòng UBND tỉnh*

*Thời gian ký số:*
*09/12/2014 09:26:09*